TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 29-01-2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Chia tài sản khi ly hôn, đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Định.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng***: Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2023/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, đòi lại tài sản""".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 100/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 390/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị D, sinh năm 1993(Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Lệ Q, Luật sư Văn Thanh Q1 – Đoàn Luật sư tỉnh S. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A N, khóm F, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Liêu H, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lý B là Luật sư thuộc Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh S. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.(Có mặt).

Người kháng cáo: Ông Liêu H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09 tháng 6 năm 2022 và tại phiên tòa đơn nguyên đơn bà Lâm Thị D trình bày:

Bà và ông Liêu H cưới nhau năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M. Sau khi cưới bà và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau này thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do không hợp về quan điểm sống, vợ chồng có những lời lẽ không tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc, hiện nay ông H đã về nhà cha mẹ ông sống; Về con chung: Trong thời gian chung sống bà D và ông H có một con chung tên Liêu Triệu L, sinh ngày 08/01/2021 hiện đang sống cùng bà D; Về tài sản: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà có tạo lập được 22 chỉ vàng 24k; 01 chiếc lắc 09 phân vàng 18k; 02 chiếc nhẫn cưới 08 phân vàng 18k; và tài sản riêng của bà là 02 bộ vòng vàng 18k nặng 8,3 chỉ toàn bộ số vàng trên khi ông Liêu H đi về nhà cha mẹ ông H đã mang theo và quản lý đến nay.

Nay bà Lâm Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Liêu H; Về con chung: Bà Lâm Thị D yêu cầu được nuôi con tên con chung tên Liêu Triệu L, sinh ngày 08/01/2021 đến trưởng thành, tại phiên tòa sơ thẩm bà không yêu cầu ông Liêu H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm 22 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 09 phân vàng 18k; 02 chiếc nhẫn cưới 08 phân vàng 18k; Về tài sản riêng: Yêu cầu ông Liêu H trả lại cho bà D 02 bộ vòng ximen 8,3 chỉ vàng 18k; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Liêu H: Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Liêu H vắng mặt không lý do, ông Liêu H cũng không có ý kiến đối với việc yêu cầu của bà Lâm Thị D.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 33; Điều 43; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2, khỏa 4 Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu hởi kiện của bà Lâm Thị D

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị D được ly hôn với ông Liêu H.

3. Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Liêu Triệu L, ngày 08/01/2021 đến khi đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm mom con chung cho ông Liêu H không ai được quyền cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lâm Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về tài sản chung: Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Lâm Thị D và ông Liêu H là 22 chỉ vàng 24k và 1,7 chỉ vàng 18k. Bà Lâm Thị D và ông Liêu H mỗi người được hưởng 11 chỉ vàng 24k, tương đương số tiền 60.500.000 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và 0,85 chỉ vàng 18k tương đương số tiền là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Ông Liêu H có nghĩa vụ giao lại cho bà Lâm Thị D 11 chỉ vàng 24k, tương đương số tiền 60.500.000 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và 0,85 chỉ vàng 18k tương đương số tiền là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

6. Về tài sản riêng của bà Lâm Thị D: Gồm 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18k, hiện nay ông Liêu H đang giữ số tài sản này. Buộc ông Liêu H có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Lâm Thị D 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18k tương đương số tiền 33.200.000 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí:

- Bà Lâm Thị D phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 3.195.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005537 ngày 04/10/2022 và 2.447.000 đồng theo biên lai thu số 0010201 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên; bà D phải nộp thêm số tiền là 718.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Liêu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.855.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29-9-2023 bị đơn ông Liêu H kháng cáo một phần bản án về phần nuôi con và phần chia tài sản chung và đòi lại tài sản. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn rút một phần nội dung đơn kháng cáo về phần con chung, giữ nguyên kháng cáo về phần xác định tài sản chung, tài sản riêng và đòi lại tài sản. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2, 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về phần con chung, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo của ông Liêu H là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Liêu H rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Liêu Triệu L sinh ngày 08-01-2021 Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về phần con chung của bị đơn ông Liêu H.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Liêu H cho rằng ông và bà D có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K được cho trong ngày cưới. Xét thấy, tại giai đoạn sơ thẩm ông H không tham gia và không có văn bản trả lời ý kiến về thông báo thụ lý của vụ án, ông vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, đồng thời giai đoạn sơ thẩm bà D không có khai 10 chỉ vàng 24K là tài sản chung của vợ chồng, nên đối với số vàng 10 chỉ vàng 24K này cấp sơ thẩm chưa có xem xét giải quyết và yêu cầu này có thể giải quyết thành vụ kiện dân sự khác, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tách thành vụ kiện dân sự khác khi ông H có yêu cầu đối với 10 chỉ vàng 24K nêu trên.

[4] Xét kháng cáo của ông Liêu H về yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định các tài sản gồm: 02 nhẫn trơn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 bộ vòng xi-men vàng 18K; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân là tài sản chung của ông và bà D và yêu cầu chia

theo tỷ lệ 50/50. Yêu cầu bà D trả cho ông 20 chỉ vàng 24K là vàng mẹ ruột ông cho riêng ông để làm ăn. Các tài sản chung và tài sản riêng này do bà D đang giữ.Thấy rằng:

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm bà D thừa nhận vợ chồng bà có các tài sản chung là: 22 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân Còn 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K có trước khi bà kết hôn với ông H là tài sản riêng của bà. Tổng số vàng gồm: 22 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân, 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K khi ông H bỏ nhà đi đã mang theo và giữ cho đến nay, bà chứng minh bằng đoạn chat Zalo giữa bà và ông H.

[6] Xét thấy, bà D và ông H thừa nhận thống nhất tài sản gồm: 22 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Đối với 20 chỉ vàng 24K ông H, bà D thống nhất có số vàng này nhưng ông H cho rằng vàng này của mẹ ông cho riêng ông để làm ăn, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh trong khi số vàng này bà D xác định là tài sản chung của vợ chồng. Tại tòa ông H cũng thừa nhận số vàng này có được sau ngày cưới do vậy việc bà D cho rằng 20 chỉ vàng 24K này là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Kháng cáo của ông H yêu cầu xác định 20 chỉ vàng 24K này là tài sản riêng của ông và yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà D trả cho ông 20 chỉ vàng 24K này là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K, ông H cho rằng là tài sản chung còn bà D cho rằng là tài sản riêng của bà có trước hôn nhân nhưng bà không có chứng cứ chứng minh là số vàng này có trước hôn nhân. Do vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K là tài sản chung của ông H và bà D. Do vậy, ông H kháng cáo cho rằng 02 bộ vòng ximen này là tài sản chung và yêu cầu chia đôi là có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với việc ông H cho rằng số vàng gồm: 22 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân; 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K hiện do bà D giữ nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D cung cấp đoạn chat Zalo giữa bà với Bé Đ số điện thoại 035 518 7363, đối chất tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận tên Zalo Bé Đ1 và số điện thoại trên là của ông sử dụng. Khi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ nội dung đoạn chat Zalo các ngày 03/3/2023 và ngày 15/5/2023 trong đó có đoạn ông H trả lời khi bà D hỏi *"Số vàng còn hay không?" thì ông H trả lời "Còn" , bà D hỏi: "Vì sao nói với bà là bán hết rồi?" thì ông H trả lời "Bởi vì anh không muốn li dị với em; C lấy chồng cũng đâu xài đâu, chồng cũng để lại cho con vậy"*. Tại phiên tòa ông H xác định nội dung trên là do ông nhắn với bà D và đoạn chat này đã được đối chất và các bên thừa nhận tại Tòa nên là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Chứng cứ này phù hợp

với biên bản xác minh đối với ông Sơn T là Trưởng Ban nhân dân ấp Trà Bét xã T (bút lục 72-73) ông trình bày: *Khi ông H bỏ đi thì bà D có đến báo là mất vàng*. Từ cơ sở trên có căn cứ xác định việc ông H khi bỏ đi có giữ số vàng gồm: 22 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân; 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K là sự thật. Việc ông H cho rằng chỉ giữ 02 chiếc nhẫn 18K trọng lượng 08 phân và không có giữ các vàng nữ trang khác là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Từ cơ sở phân tích nêu trên có căn cứ xác định tài sản chung của ông H, bà D bao gồm: 22 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân; 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K. Tổng cộng gồm 22 chỉ vàng 24K, 10 chỉ vàng 18K. Tài sản chung này được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Ông Liêu H được chia 11 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 5.500.000đ/chỉ x 11 chỉ = 60.500.000đ) và 05 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 4.000.000đ/chỉ x 05 chỉ = 20.000.000đ). Bà Lâm Thị D được chia 11 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 5.500.000đ/chỉ x 11 chỉ = 60.500.000đ) và 05 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 4.000.000đ/chỉ x 05 chỉ = 20.000.000đ). Do toàn bộ số vàng là tài sản chung ông Liêu H đang giữ nên ông Liêu H có nghĩa vụ giao trả cho bà D 11 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 5.500.000đ/chỉ x 11 chỉ = 60.500.000đ) và 05 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 4.000.000đ/chỉ x 05 chỉ = 20.000.000đ). Ông Liêu H được sở hữu 11 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 5.500.000đ/chỉ x 11 chỉ = 60.500.000đ) và 05 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 4.000.000đ/chỉ x 05 chỉ = 20.000.000đ) còn lại hiện ông đang giữ.

[11] Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm bị sửa phần chia tài sản chung và tài sản riêng nên án phí sơ thẩm cũng được sửa lại cho phù hợp. Cụ thể:

[11.1] Bà Lâm Thị D phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và (80.500.000đ x 5% = 4.025.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia tài sản chung vợ chồng, 16.600.000đ x5% = 830.000đ án phí đòi lại tài sản, tổng cộng 5.155.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005537 ngày 04/10/2022 và 2.447.000 đồng theo biên lai thu số 0010201 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên; bà D phải nộp thêm số tiền là 2.408.000 đồng.

[11.2] Ông Liêu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia tài sản chung là 80.500.000đ x 5% = 4.025.000 đồng.

[12] Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Liêu H, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung, tài sản riêng và phần án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: do bản án bị sửa nên người kháng cáo là ông Liêu H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148, và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Liêu H đối với kháng cáo về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Liêu H về phần tài sản chung, Sửa một phần của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 100/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, phần tuyên xử như sau:

- Áp dụng Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a, điểm b khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị D

Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của ông Liêu H và bà Lâm Thị D bao gồm: 22 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 09 phân; 02 chiếc nhẫn trơn 18K trọng lượng 08 phân; 02 bộ vòng ximen trọng lượng 8,3 chỉ vàng 18K. Tổng cộng gồm 22 chỉ vàng 24K (tương đương 5.500.000đ/chỉ x 22 chỉ = 121.000.000đ) và 10 chỉ vàng 18K (4.000.000đ/chỉ x 10 chỉ = 40.000.000đ). Tổng giá trị tài sản chung 161.000.000đ (một trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

Tài sản chung của ông Liêu H và bà Lâm Thị D được chia như sau:

+ Ông Liêu H được chia và sở hữu 11 (mười một) chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 60.500.000đ (sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Số vàng này ông Liêu H đang trực tiếp quản lý.

+ Bà Lâm Thị D được chia và sở hữu 11 (mười một) chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 60.500.000đ (sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và 05 (năm) chỉ vàng

18K (tương đương số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Do ông Liêu H đang quản lý số vàng này nên buộc ông Liêu H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Lâm Thị D, số vàng là 11 (mười một) chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 60.500.000đ (sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị D về việc đòi lại số nữ trang là 4,15 chỉ vàng 18K (vòng ximen) (trị giá 16.600.000đ mười sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Án phí sơ thẩm:

Bà Lâm Thị D phải chịu tổng cộng 5.155.000đ(năm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005537 ngày 04/10/2022 và 2.447.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010201 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên; bà D phải nộp thêm số tiền là 2.408.000 đồng (hai triệu bốn trăm lẻ tám ngàn đồng).

- Ông Liêu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 4.025.000đ (Bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

3. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Liêu H không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010309 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

5.Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
-TAND Mỹ Xuyên;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Thúy Nga